

Số: /BCK-TH-THCS

Tam Lập, ngày 10 tháng 9 năm 2018

BẢN CAM KẾT
Chất lượng giáo dục với Phòng GD&ĐT trong học kỳ I
và trong năm học 2018-2019

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị. Trường TH-THCS Tam Lập thực hiện cam kết với Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo Phú Giáo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Nâng cao chất lượng đội ngũ Cán bộ quản lý và Giáo viên trong nhà trường.
- Sắp xếp tổ chức phân công, bố trí đúng vị trí việc làm, đúng chức năng, nhiệm vụ cho 17 CB,GVNV thuộc biên chế THCS có trong đơn vị cụ thể:

+ BGH: 02/01 nữ gồm 1 Hiệu trưởng; 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn THCS.

+ Hành chính: 1 phụ trách giám thị nhà trường

+ Giáo viên dạy lớp gồm 15/10 nữ: 02 giáo viên Toán; 01 Giáo viên Lý; 01 giáo viên Hóa; 01 giáo viên Sinh; 01 giáo viên tin; 01 giáo viên văn; 01 giáo viên sử; 01 giáo viên Địa; 02 giáo viên tiếng Anh; 01 giáo viên GDCD; 01 giáo viên TD; 01 giáo viên Nhạc; 01 giáo viên Mỹ thuật.

- Các biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ về năng lực chuyên môn (đạt chuẩn, phân loại công chức, viên chức cuối năm, năng lực chuyên môn,...)

+ Biện pháp nâng cao chất lượng về phẩm chất chính trị cho đội ngũ:

Tếp tục thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho CB,GVNV trong nhà trường theo chủ đề, chủ điểm, các văn bản luật, văn bản hướng dẫn của ngành và tình hình phát triển của xã hội.

Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý tại nhà trường theo hướng đồng bộ từ cấp tổ khối.

Phân cấp, phân quyền quản lý, quy trách nhiệm cho người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Biện pháp đánh giá phân loại công chức, viên chức cuối năm.

Thực hiện dân chủ tập trung theo quy chế hoạt động đơn vị, căn cứ kết quả lao động làm nòng cốt, thực hiện nguyên tắc cho đảng viên phụ trách kiểm tra, giám sát tự đánh giá của cá nhân, phân tích, thảo luận tập thể, thực hiện quyền quyết định do cá nhân phụ trách (Chế độ 01 hiệu trưởng)

Chỉ tiêu phấn đấu đảm bảo đạt từ 100% CB,GVNV hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Chỉ tiêu đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt 35% Xuất sắc; 58,8% khá; 6,2% Trung bình làm cơ sở thực hiện Nghị quyết số 18 Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 khóa XII.

+ Biện pháp nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ.

Thực hiện bám sát nguyên tắc, linh động trong giải pháp để tổ chức bồi dưỡng, tự bồi dưỡng trong đội ngũ từ cấp tổ khối trong nhà trường. Tăng cường công tác

triển khai học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, 100 % CB,GVNV không vi phạm đạo đức nhà giáo, đạo đức nghề nghiệp, mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

Chỉ tiêu phấn đấu 100% giáo viên cam kết chất lượng đầu năm học đảm bảo đạt chỉ tiêu thực chất.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.

Biện pháp: Làm rõ mục đích và lý tưởng của nghề dạy học cho CB,GVNV trong đơn vị hiểu để thực hiện “Sống làm việc theo hiến pháp và pháp luật”, từng bước hoàn thiện bản thân để đáp ứng nhu cầu hài lòng về giáo dục của người dân và phù hợp xu thế phát triển của đất nước.

Chỉ tiêu phấn đấu 100% CB,GVNV có ý thức trách nhiệm trước nhiệm vụ được giao; Công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Phong trào thi giáo viên giỏi trường 13 giáo viên đạt vòng trường; giỏi huyện 3 giáo viên đạt giáo viên giỏi huyện.

Biện pháp: Tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ CB,GVNV trong nhà trường tham gia bồi dưỡng tập trung do ngành tổ chức đảm bảo đánh giá từ khá trở lên.

Tổ chức tự bồi dưỡng theo chuyên đề cấp tổ trong năm học theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường.

Động viên cá nhân tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ.

Luôn tạo mọi điều kiện cho giáo viên có nhu cầu học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.

2. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và thực hiện phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS.

a. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đảm bảo theo khung chương trình môn học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và khung kế hoạch năm học của tỉnh theo Quyết định 2007/QĐ-UBND.

b. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và thực hiện phân luồng học sinh sau trung học cơ sở.

Tiếp tục thực hiện phân công, bố trí thời khóa biểu phù hợp để thực hiện lựa chọn nội dung 09 chuyên đề hướng nghiệp chủ yếu.

Thực hiện phân luồng học sinh phấn đấu đạt 31% học sinh sau tốt nghiệp THCS tham gia học TTGDTX và học nghề theo quy định.

3. Nâng cao chất lượng Dạy - Học, đặc biệt nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh (*Các chỉ tiêu cụ thể kèm theo*).

Thi tuyển sinh vào 10 đăng ký môn Văn 50% học sinh trên trung bình; môn Toán 30% học sinh trên trung bình; môn Anh 20 % học sinh trên trung bình.

Môn ngoại ngữ: Đảm bảo 100% Giáo viên và học sinh có sách giáo khoa lớp 6 mới theo Công văn số 1241/SGDĐT ngày 19/7/2017 của Sở GDĐT Bình Dương về sử dụng đại trà sách giáo khoa tiếng Anh của Bộ GDĐT đối với học sinh cấp THCS và THPT từ năm học 2018-2019. Các khối lớp còn lại học theo sách giáo khoa hiện hành.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học trong nhà trường.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà trường, quản lý hồ sơ chuyên môn, quản lý kết quả học tập của học sinh; thực hiện báo cáo,

thông tin, văn bản bằng điện tử. Đặc biệt, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào trong dạy và học nhằm nâng cao chất lượng, hướng tới lớp học thông minh.

5. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị

- Tăng cường đổi mới quản lý trong việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường; củng cố kỷ cương, nề nếp trong dạy học, kiểm tra đánh giá; nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đơn vị.

- Chủ động xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Tăng cường quản lý cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động dạy và học, học trong nhà trường.

- Rà soát quy hoạch xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất kịp thời đáp ứng nhu cầu phục vụ dạy học của đơn vị.

- Tham mưu, dự trù ngân sách đầu tư và quản lý các trang thiết bị, đồ dùng dạy học, cơ sở vật chất đảm bảo theo đúng kế hoạch mua sắm tập trung hàng năm của Sở GDĐT.

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, các trang thiết bị, đồ dùng dạy học tránh lãng phí.

Trên đây là bản cam kết chuât lượng giáo dục của trường TH-THCS Tam Lập với lãnh đạo Phòng GDĐT trong học kỳ I và năm học 2018-2019. Ban lãnh đạo Trường sẽ chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Phòng GDĐT về chất lượng giáo dục đã đăng ký trên./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Cam kết chất lượng giáo dục của Trường TH-THCS Tam Lập

Năm học: 2018-2019

(Kèm theo bản cam kết số /BCK-THCS ngày //2018 của Trường TH-THCS Tam Lập)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp6	Lớp7	Lớp8	Lớp9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	195	62	56	35	42
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	100
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	195	62	56	35	42
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	18.9	24.56	24.56	15.38	23.26
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	48.7	56.14	56.14	53.85	62.79
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	31.7	19.30	19.30	30.77	13.95
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối HK 1	195	62	56	35	42
1	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	18.9	16.1	25	17.1	17.7
2	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	48.7	48,4	53,6	42,9	48.7
3	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2.4				2.4
4	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0			0
5	Bỏ học (trong học kỳ 1) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Tổng hợp kết quả cuối năm	195	62	56	35	41
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	18.9	16.1	25	17.1	17.7
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	48.7	48,4	53,6	42,9	48.7
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lên lớp sau thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	3	3.2	3.5	5.7	0
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học).(tỷ lệ so với tổng số)	1	0	1,78	0	0
V	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	5	1	1	1	2
1	Cấp Huyện	5	1	1	1	2
2	Cấp tỉnh/QG	1				1
VI	Số học sinh dự xét tốt nghiệp	41				41
VII	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	41				41
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	17.7				17.7

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	48.7				48.7
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	33.6				33.6
VIII	Số học sinh thi đỗ tuyển sinh lớp 10 (tỷ lệ so với tổng số)	85,7				85,7
1	Tỷ lệ điểm thi tuyển sinh lớp 10 trên TB		Môn Văn	Môn Toán	Môn tiếng Anh	
	(=>5) %		50	30	20	
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	194/104	62/37	56/29	35/16	41/21
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	17	4	4	6	3